

慧  
啟  
文集



huệ khái

MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ  
TRONG KINH  
MINH LÝ ĐẠO VÀ  
PHẬT GIÁO HÒA HẢO

ISBN: 978-604-89-4409-4



Sách ấn tổng. Không bán.



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ  
TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO  
VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO



Huệ Khải, ký họa bút chì. (Họa sĩ Bửu Long)

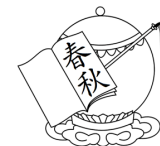
Quyển 116-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo  
kỷ niệm mười năm phổ thông giáo lý (tháng 6-2008 / tháng 6-2018)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

**HUỆ KHẢI**  
(Dũ Lan LÊ ANH DŨNG)

MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ  
TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO  
VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**  
Hà Nội 2018



Ấn tổng lần thứ nhất 1.500 quyển, do 20 phần công quả  
(mỗi phần 400.000 đồng). Tổng cộng 8.000.000 đồng.

**PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ ÂN NHÂN**

01. Chơn linh ĐH BÙI VĂN LÝ. Gởi đọt 90.
02. ĐT CAO THỊ NHƠN. Gởi đọt 48B.
03. ĐT DIỆU ÁI Lê Thị Đàm (Tô Ký, quận 12). Gởi đọt 25.
04. ĐH ĐÌNH CÔNG THANH (Sa Đéc, Đồng Tháp). Gởi đọt 5.
05. ĐH HUỲNH CHÍ KIÊN (Bình Chánh). Gởi đọt 45, 50, 53.
06. ĐT HUỲNH THỊ KIM LOAN (An Thủy, Ba Tri). Gởi đọt 58.
07. ĐH HUỲNH VĂN YÊN (Nha Trang). Gởi đọt 29, 41, 45.
08. Lê Sanh HƯƠNG TRÒN (Phạm Thế Hiển, quận 8). Gởi đọt 48B.
09. ĐH KHA NGỌC TÂM (Phong Phú, quận 8). Hồi hướng cửu huyền thất tổ; cha (Kha Hùng sinh 1948), mẹ (Ngô Chỉ sinh 1951), Kha Tuấn Thành (sinh 1977), Kha Tài Kiệt (sinh 1979), Kha Ngọc Diệp (sinh 1982), Kha Tài Năng. Gởi đọt 63, 65.
10. ĐH LÊ ĐỨC THỊNH (Nguyễn Văn Thủ, Đa Kao). Gởi đọt 38.
11. ĐH LÊ HỮU ĐỨC (Bến Tre). Gởi đọt 95.
12. ĐT LÊ THỊ HOA. Gởi đọt 38.
13. Bốn đạo Cao Đài LONG HỰU. Gởi đọt 107.
14. ĐH LÝ KHAI MINH (Đạo Nhất Quán Thông, Bình Phú, quận 6). Gởi đọt 43.
15. ĐH/ĐT NGUYỄN NGỌC BẢO (quán chay Bửu Đà, Lê Đại Hành, quận 11). Gởi đọt 19, 33.

16. CTS NGUYỄN TẤN BÌNH (quận 1). Gởi đợt 37.
17. ĐT NGUYỄN THỊ KIM. Gởi đợt 41, 48B.
18. ĐT NGUYỄN THỊ LIÊN và ĐH VÕ ĐÔNG SƠ (Thanh Phú, Bến Tre). Gởi đợt 9, 20, 28, 34.
19. ĐT NGUYỄN THỊ MAI. Gởi đợt 41, 84.
20. Lễ Sanh THƯƠNG HẠNH THANH. Hồi hướng thân phụ (Lễ Sanh Phùng Thanh Nguyên). Gởi đợt 45.

Đồng kính thành hồi hướng cứu huyền thất tổ,  
 hiệp tâm cầu nguyện quốc thái dân an,  
 đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoàng dương,  
 Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,  
 vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

### ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng *KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán* bất kỳ kinh sách nào do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện. Để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biếu), trân trọng kính mời quý vị liên hệ các điểm phát hành của chúng tôi (xem trang 35 sách này) hoặc gởi thư về [daidaovanuyen@gmail.com](mailto:daidaovanuyen@gmail.com).

Kinh sách được ấn tống để kính biếu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các vị ân nhân ấy, xin quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

BAN ẤN TỐNG

## GIAO CẢM

Nội dung những trang sau đây nguyên là bài viết đã in trong tạp chí *Nghiên Cứu Và Phát Triển* số 2 (145) năm 2018 của Sở Khoa Học Và Công Nghệ Thừa Thiên – Huế. Khi phổ biến thành tập sách mỏng như thế này trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, tôi ước mong may ra tạo được điều kiện thuận lợi để quý đạo hữu Minh Lý Đạo và Phật Giáo Hòa Hảo thêm dễ dàng tiếp cận vấn đề từ Việt cổ trong kinh điển tôn giáo mình.

Trong mười năm triển khai Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo (tháng 6-2008 / tháng 6-2018), qua các chú giải thánh giáo, qua sách hướng dẫn bình giảng thánh giáo, và qua việc trả lời bạn đọc giai phẩm *Đại Đạo Văn Uyển* (hiện nay gọi là *Đạo Uyển*) với mục *Gió Bốn Phương*, tôi nhiều phen nhắc tới từ Việt cổ trong thánh giáo Cao Đài. Vì vậy, trong lúc chờ đợi có riêng một tập sách bàn về từ Việt cổ trong kinh điển Cao Đài, thì đây có thể xem là một tài liệu tham khảo khả dụng đối với môn sanh Cao Đài.

Albert Dauzat (1877-1955), nhà ngôn ngữ học người Pháp, viết: “*Ngôn ngữ là vật di sản truyền từ đời nọ qua đời kia. Mỗi thế hệ phải chịu trách nhiệm về di sản ấy đối với thế hệ sau.*”<sup>(1)</sup> Thế thì, bằng cách dùng các từ Việt cổ trong kinh điển, ba nền tôn giáo bản địa Việt Nam (Minh Lý Đạo, Cao Đài Giáo, Phật Giáo Hòa Hảo) rõ ràng đã và đang duy trì di sản ngôn ngữ dân tộc Việt Nam một cách bền bỉ và hiệu quả trong suốt chiều dài lịch sử và phát triển của mỗi tôn giáo. Đây chính là điều tôi tâm đắc và đã bày tỏ trong những dòng cuối tập sách quý bạn đọc đang cầm trên tay.

Sau cùng, trong tinh thần hòa điệu liên tôn, tôi trân trọng kính gửi tập sách bé mọn này đến hai cộng đồng tín hữu Minh Lý Đạo và Phật Giáo Hòa Hảo với lời nguyện cầu tất cả cùng được phát triển bền vững cho một mai sau kỳ vĩ của đất nước, xứng với chiều kích Tam Kỳ Phổ Độ mà Thượng Đế ban trao cho con Hồng cháu Lạc.

*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

HUỆ KHẢI

---

<sup>(1)</sup> Trong lời tựa *Le Génie de la Langue Française*, dẫn theo Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê, *Khảo Luận Về Ngữ Pháp Việt Nam*. Sài Gòn: Đại Học Huế xb, 1963, tr. 700.

# MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO

## I. MỞ ĐẦU

Tại Việt Nam, cụ thể là Nam Kỳ,<sup>(1)</sup> trong bốn thập niên đầu thế kỷ 20, đã xuất hiện ba tôn giáo rất đặc biệt, xét về mặt nguồn gốc: Minh Lý Đạo (1924); Cao Đài Giáo (1926); Phật Giáo Hòa Hảo (1939). Giới nghiên cứu lúc đầu gọi ba tôn giáo này là *bản địa* (*indigenous*), về sau lại gọi là *nội sinh* (*endogenous*); gọi như vậy bởi vì ba tôn

---

<sup>(1)</sup> Tôi không gọi *Nam Bộ* vì khảo sát lịch sử ra đời những tên gọi cho miền đất phương Nam của Tổ Quốc, có thể xác định năm 1834 (đời vua Minh Mạng) địa danh Nam Kỳ bắt đầu xuất hiện, theo nghĩa Kỳ 圻 là một cõi đất; Nam Kỳ là cõi đất phương Nam. Mãi đến tháng 5-1945, sau khi phát xít Nhật lật đổ thực dân Pháp (09-3) báo chí mới bắt đầu dùng tên gọi Nam Bộ thay cho Nam Kỳ, theo nghĩa Bộ 部 là một phần; Nam Bộ là một phần đất nước ở phía Nam. (Bằng Giang, *Văn Học Quốc Ngữ Ở Nam Kỳ 1865-1930*. Nxb Trẻ 1992, tr. 11, 14; dẫn trong Huệ Khải, *Đất Nam Kỳ: Tiền Đền Văn Hóa Mở Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2008, tr. 10-11.)

giáo này vốn không phải từ nước ngoài du nhập Việt Nam.

Minh Lý Đạo và Cao Đài Giáo không có Giáo Chủ mang thân xác hữu vi (*physical body*); kinh tụng và giáo lý (thánh ngôn, thánh giáo) hai đạo này được Ôn Trên truyền dạy qua cơ bút (thơ và văn xuôi). Còn giáo lý của Phật Giáo Hòa Hảo (sấm giảng) do Đức Thầy (Đức Huỳnh Giáo Chủ) giảng dạy bằng thơ, chủ yếu là thơ lục bát và song thất lục bát.

Ba nguồn giáo lý nói trên có điểm chung là đều dùng tiếng Việt, ghi chép bằng chữ quốc ngữ y theo lời Ôn Trên hay Đức Huỳnh Giáo Chủ trực tiếp truyền dạy (tức không phải là các bản dịch từ tiếng nước ngoài do các cao đồ thực hiện). Đáng chú ý là cả ba nền giáo lý này đều dùng khá nhiều **từ Việt cổ** (*archaic*), tức là những từ ngữ *không còn thông dụng trong lời ăn tiếng nói hằng ngày*,<sup>(2)</sup> và hầu như không còn được ghi nhận trong các

---

<sup>(2)</sup> Khái niệm *cổ* ở đây rất tương đối, và tôi muốn nhấn mạnh tới tính chất *không còn thông dụng trong lời ăn tiếng nói hằng ngày*. Theo giới sưu tập đồ cổ, một đồ vật có khoảng năm mươi năm tuổi trở lên thì gọi là *đồ xưa*; khoảng một trăm tuổi trở lên thì gọi là *đồ cổ*. Nhưng với ngôn ngữ một dân tộc thì không thể nào ấn định một mức thời gian cụ thể như thế. Bởi vậy, trong bài viết này, khi dò trong kinh của Minh Lý Đạo và sấm giảng của Phật Giáo Hòa Hảo rồi chọn ra vài chục từ và gọi là từ cổ, tôi rất có thể không nhận được sự đồng ý hoàn toàn về những từ tôi đã chọn lựa.

bộ từ điển hay tự điển tiếng Việt xuất bản từ nửa sau thế kỷ 20 trở đi, ngoại trừ bộ *Tự Điển Việt Nam*, quyển Thượng và Hạ, do Lê Văn Đức cùng một nhóm văn hữu biên soạn, Lê Ngọc Trụ hiệu đính, nhà sách Khai Trí xuất bản tại Sài Gòn năm 1970. (Bộ này còn ghi nhận khá nhiều mục từ thuộc loại từ cổ, nhưng không quan tâm ghi chú bên cạnh rằng đó là từ cổ. Sau đây, khi nhắc tới bộ sách này, tôi gọi tắt là *Lê Văn Đức*.)

Bằng cách sử dụng từ Việt cổ trong kinh kệ và giáo lý, phải chăng ba nền tôn giáo bản địa phát sinh ở Nam Kỳ đã và đang *duy trì một số lời ăn tiếng nói lâu đời của dân tộc*, không để cho mai một?

Tuy nhiên, tín đồ thường không hiểu nghĩa từ Việt cổ, mà kinh sách trong đạo nếu thiếu sót phần giảng giải thì dễ nảy sinh việc hiểu sai, rồi có người tự ý sửa chữa làm sai lệch nghĩa lý câu kinh. Chẳng hạn:

**Trường hợp 1:** Năm 1925, Minh Lý Đạo được chư Phật Tiên Thánh Thần lần lượt nối tiếp nhau giảng cơ tại Sài Gòn, ban cho *Kinh Sám Hối*, từ Chủ Nhật 19-4-1925 đến ngày Thứ Sáu 27-11-1925, gồm 444 câu song thất lục bát.<sup>(3)</sup> Ngoài ra còn nhiều kinh khác. Đến năm 1926, các chức sắc đầu tiên (tiền khai) của đạo Cao Đài được lệnh Ôn Trên (qua cơ bút) đến tiếp xúc Minh Lý Đạo để thỉnh các kinh về tụng đọc; đồng thời Minh Lý

---

<sup>(3)</sup> Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, *Kinh Sám Hối Minh Họa*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011, tr. 3.

Đạo cũng được Ôn Trên giảng cơ dạy phải sẵn sàng dâng các kinh cho đạo Cao Đài.<sup>(4)</sup> Như vậy Kinh Sám Hối này và một số bài kinh khác của Minh Lý Đạo chánh thức là kinh chung của hai tôn giáo.

Trong Kinh Sám Hối, bốn câu song thất lục bát 261-264 do Đức Khổng Phu Tử giảng cơ ban cho vào ngày Thứ Hai 20-7-1925,<sup>(5)</sup> nguyên văn như sau:

*Lại có kẻ miệng ngay lòng vạy,  
Tỏi làm chùa, dối cậy in kinh,  
Ẩn gian xói bót cho mình,  
Đâu qua dương pháp, luật hình Diêm Vương.*

Nhưng tén đồ Cao Đài lại thường đọc sai, và khá nhiều bản in trong đạo Cao Đài đã in sai câu 262 là: **Tỏi làm chùa, dối cậy in kinh...** Chữ **tỏi** (đi tới, tới nơi) trong ngữ cảnh bốn câu dẫn trên hoàn toàn vô nghĩa.

Thật ra, **tỏi** (với dấu hỏi) là từ Việt cổ, có nghĩa là quyên góp tiền bạc để làm việc từ thiện, việc công đức. **Tỏi làm chùa, dối cậy in kinh** phải hiểu là: *Đi đến từng nhà bá tánh để quyên góp, giả danh đem về cất chùa hay ấn tống kinh sách.*

**Trường hợp 2:** Vẫn là *Kinh Sám Hối*. Ngày Thứ Tư 24-6-1925, Đức Quan Âm Bồ Tát giảng cơ ban kinh, từ

---

<sup>(4)</sup> Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *Lịch Sử Đạo Cao Đài. Quyển I: Khai Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2005, tr. 255-257.

<sup>(5)</sup> *Kinh Sám Hối Minh Họa*, tr. 4.

câu 149 tới 160, trong đó hai câu 159-160 như sau:

*Trong đời rất hiếm võ phu,  
Lường cân tráo đấu, dối tu cúng chùa.*

Minh Lý Đạo chú thích: Võ phu là “ngọc giả”, là “người giả dối”. Chú thích như vậy quá đúng, rất rõ nghĩa. Thế nhưng đọc câu “*Trong đời rất hiếm võ phu*”, ắt có người không khỏi tự hỏi: Hóa ra, trong đời này rất hiếm (rất ít) kẻ giả dối sao? Chẳng lẽ đời này hầu hết đều là người trung thực sao?

Bản thân tôi từng tự hỏi như vậy, nên khi chú giải *Kinh Sám Hối*, trót viết ở chú thích số 98: “Xét nghĩa hai câu kinh 159-160, tôi trộm nghĩ hai chữ ‘*rất hiếm*’ có lẽ in nhầm; có lẽ nên sửa là *chẳng hiếm?*”<sup>(6)</sup> Dù tôi dè dặt, lặp lại “*có lẽ*” hai lần, nhưng vẫn cứ là sai lầm! Giá như đủ cẩn thận hơn, xét tới cái nghĩa vốn không thông dụng của *rất hiếm* là *rất nhiều, rất đông* thì lẽ ra tôi đã chẳng phạm lỗi đáng tiếc ấy!

## II. GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO

Minh Lý Đạo 明理道 do Ôn Trên khai sáng vào cuối tháng 12 năm 1924 (tháng 11 năm Giáp Tý) tại Sài Gòn. Hằng năm, vào chiều ngày 26 tháng 11 âm lịch, lễ kỷ

---

<sup>(6)</sup> Huệ Khải, *Chú Giải Kinh Sám Hối*, in chung với Thanh Căn trong *Tìm Hiểu Kinh Sám Hối*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2009, tr. 60. Tại chú thích này tôi còn giảng sai hai chữ *võ phu*.

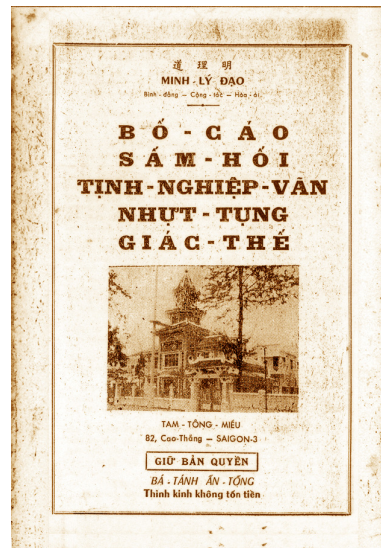


niệm “Minh Lý Đạo Khai” được tổ chức tại chùa của Minh Lý Đạo, tên gọi Tam Tông Miếu 三宗廟, nay ở số 82 đường Cao Thắng, phường 4, quận 3, tpHCM. Tam Tông tức là Nho, Lão, Thích. Cho tới năm 1975, *Lịch Tam Tông Miếu* là một “thương hiệu” nổi tiếng, được tín nhiệm và ưa chuộng suốt nhiều thập niên ở miền Nam, giúp bá tánh tiện tra cứu giờ lành, ngày lành, tháng tốt trong việc tang ma, cưới gả, xây cất, động thổ, khai trương, xuất hành, v.v...

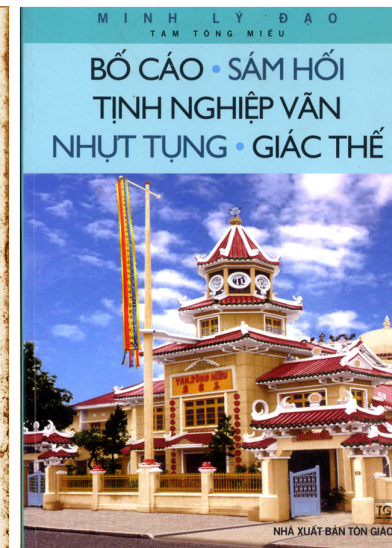
Giáo lý (thánh giáo tiếp nhận qua cơ bút) của Minh Lý Đạo rất phong phú.<sup>(7)</sup> Kinh tụng của Minh Lý Đạo cũng được Ôn Trên ban truyền qua cơ bút. Năm 1973, Minh Lý Đạo ấn tổng quyển *Bố Cáo - Sám Hối - Tịnh Nghiệp Văn - Nhứt Tụng - Giác Thế* (không đánh số trang liên tục cho cả quyển). Ngoài ra còn kèm thêm *Quê Quan Âm* ở cuối quyển. Quyển kinh này được ấn tổng lại vào năm 2011 (dày 312 trang) và tái bản năm 2017, đều liên kết với nhà xuất bản Tôn Giáo (Hà Nội). Ba bản in này đều có ảnh Tam Tông Miếu trên bìa trước.

Tôi dùng bản 2011 để trích dẫn từ Việt cổ trong kinh Minh Lý Đạo, có tham khảo hai bản 1973 và 2017.

<sup>(7)</sup> Thánh giáo của đạo Cao Đài cũng rất phong phú. Nếu tìm hiểu từ Việt cổ bằng cách khảo sát đầy đủ kho tàng thánh giáo (có thể lên tới nhiều nghìn trang A4) đã tiếp nhận trong suốt chiều dài lịch sử của Cao Đài Giáo (bao gồm các Hội Thánh ở miền Trung, miền Nam) và Minh Lý Đạo, chắc hẳn phải cần rất nhiều thời gian và công khó.



Bìa bản in 1973



Bìa bản in 2011 và 2017

Ngoài bộ tự điển của nhóm Lê Văn Đức (đã nói trên), tôi chủ yếu tham khảo bộ *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của (hai tập), Imprimerie Rey, Curisol & Cie in tại Sài Gòn năm 1895 và 1896. Lời giải thích từ cổ của tôi không nhất thiết chép đúng nguyên văn của Paulus Của, hay Lê Văn Đức, mà có cân nhắc sao cho phù hợp ngữ cảnh các câu kinh trích dẫn. Lời giải thích được in chữ *xiên*.

### Cách trích dẫn câu kinh

- Lược bớt dấu phẩy, dấu chấm cuối câu kinh trong nguyên văn.
- Con số trong dấu ngoặc đơn cuối câu kinh trích dẫn

cho biết số trang căn cứ theo bản in 2011 đã nói trên đây.

- Từ Việt cổ trong câu kinh trích dẫn được gạch dưới.

- Khi dẫn hai hay nhiều câu kinh liên tiếp, thay vì xuống hàng, tôi dùng dấu / để phân cách. Thí dụ: Điều dữ bằng mà dấy / Ăn năn sám hối liền (209)

- Để làm rõ nghĩa câu kinh, lời tôi giải thích thêm hay ghi chú thêm được in chữ *xiên* và đặt trong dấu ngoặc vuông. Thí dụ: Tua chừa bỏ thói quen lại đọa [*lười biếng*] (225); Bằng muội mê [*thì như*] súc vật trần gian (183)

### Những từ Việt cổ trong kinh Minh Lý Đạo

**1. bằng:** *Nếu như, ví như.*

Bằng muội mê [*thì như*] súc vật trần gian (183)

Tinh để hao thì khí phải suy / Khí đã suy, thần dễ thoát ly / Thần bằng thoát, mong chi thành Đạo (191)

Bằng cứ mê ân ái (207)

Điều lành bằng đã dấy (209)

Bằng tranh cạnh vầy vùng khó được (216)

Bằng nê cổ sa đằm <sup>(8)</sup> giận nóng (218)

Bằng nửa chừng thấy khó phế vong (231)

---

<sup>(8)</sup> *Nê cổ*: Chấp nê, cổ chấp. Chưa rõ nghĩa *sa đằm*.

Bằng một mảy vọng tâm phóng túng (232)

**1.1. bằng ai:** *Nếu ai.*

Bằng ai mộ Đạo vô vi (17)

Bằng ai thấu máy huyền vi (18)

Bằng ai quên hết tử sanh (261)

Bằng ai khiếp nhược là sai (262)

**1.2. bằng chẳng vậy:** *Nếu chẳng vậy.*

Bằng chẳng vậy, ý mưu thù oán (249)

Bằng chẳng vậy, hành tàng quý trá (253)

Bằng chẳng vậy, không lo chẳng ráng (265)

**1.3. bằng không:** *Nếu không.*

Bằng không chống trả tánh tà (25)

Bằng không chỉ lỗi sửa mình (149)

Bằng không vậy xa giềng đạo chánh (227)

Bằng không, nặng lợi bên lòng (243)

Bằng không sắc tướng, sáu trần khó xâm (245)

Bằng không, vọng tưởng phát sanh (259)

Bằng không, rất khó đạt thành (261)

**1.4. bằng mà:** *Nếu mà.*

Điều dữ bằng mà dấy / Ăn năn sám hối liền (209)

Bằng mà tội trước chưa trừ (233)

Bằng mà nhậm tánh, mê tình (251)

**1.5. cầm bằng:** *Coi như, xem như.*

Dứt gốc chồi, sau hết nảy mầm / Thấy sắc đẹp, bằng cầm <sup>(9)</sup> chẳng có (234)

**2. cả:** *Trộn vện.*

Ta lo bề cả dạy phép linh (142)

Chúng tôi cả thành tâm [*trộn lòng thành*] khẩn đảo (160)

**3. chích mích:** *Mất lòng nhau, phật lòng, xích mích.*

Sanh điều chích mích, đầu nguôi dạ hờn (70)

**4. chưng:** *Từ đệm, nếu bỏ đi vẫn không thay đổi ý nghĩa cả câu.*

Vót người lương thiện khỏi chưng tội hình (162)

Há đâu đặng khỏi chưng khổ hải? (225)

Cũng nhờ chưng tâm cố lực cần (228)

**4.1. bởi chưng:** *Bởi, bởi lẽ, bởi vì.*

Người phú túc, bởi chưng kiếp trước / Đặng duyên lành, hưởng phước ngày ni (216)

**4.2. vì chưng:** *Vì, vì bởi, vì lẽ.*

Vì chưng tụ thiếu thành đa (72)

---

<sup>(9)</sup> Đảo ngữ thành bằng cầm để hiệp vận với mầm ở câu trên.

Vì chưng trinh tiết chẳng gìn (80)

Vì chưng hung bạo, đốt nhà bắn sấn (81)

Vì chưng chửi gió mắng mưa (82)

Vì chưng lạng lẽ mới mong đặng gì (139)

Vì chưng kiếp trước căn khiên dư đồn <sup>(10)</sup> (141)

**5. đon sai:** *Giả trá, gian dối.*

Thánh Hiền noi Thiên lý, háo sanh chẳng don sai (121)

Không chút mảy don sai (206)

**6. găng vó:** *Bền đỗ, bền lòng, gấn bó.* (Paulus Của, Lê Văn Đức đều ghi là *gấn vó*. Các bản Minh Lý 1973, 2011, 2017 đều in là *gắng vó*. Xét theo nghĩa *gấn bó*, thì bản Minh Lý có lẽ nên sửa là *gấn vó* chăng?)

Nay vào đạo, phải thường găng vó (195)

Hễ hành đạo thường năng găng vó (230)

Ai tử sanh, găng vó đã thông (261)

**7. giòi tửa:** *Gọi chung cả giòi lớn lẫn giòi nhỏ.*

---

<sup>(10)</sup> *Khiên* 慍 là lỗi lầm. *Căn khiên dư đồn* là gốc lỗi lầm (tội cũ) chưa trả hết trong một kiếp, được dồn lại qua kiếp sau trả tiếp. Nói *căn khiên* cũng như *tiền khiên*. Trong kiếp sau, vì phải trả nợ tồn đọng của kiếp trước nên trong đời hay gặp những rủi ro, bất hạnh, tức là chịu hậu quả của *tiền khiên nghiệp chướng*.

Ao rộng sâu chứa đầy giòi tửa (82)

**8. hiếm:** *Bộn bàng, bộn bề, có nhiều.* (Nghĩa này ít dùng ngày nay.) Thí dụ: *hiếm của, hiếm tiền* (nhiều của, nhiều tiền, chẳng thiếu tiền); *rất hiếm* (rất nhiều, rất đông).

Trong đời rất hiếm võ phu <sup>(11)</sup> / Lường cân tráo đấu, đối tu cúng chùa (72)

**9. kình:** *To lớn, kình cang.*

Nhào đầu xuống đó, cua kình rửa thầy (83)

**10. lấy lừng, lừng lẫy:** *Bốc hơi lên mạnh mẽ, hùng lên nồng nặc.*

Không chừng mưa nắng, lấy lừng đất hơi (23)

Hơi tanh hôi thường bữa lấy lừng (82)

Hơi nước lửa lấy lừng tiếp ứng (148)

Ắt lừng lẫy lòng tà tồi tệ (222)

**11. lờ lạc:** *Mờ mịt, không nhìn thấy rõ.*

Soi tỏ đường lờ lạc âm cung (169)

---

<sup>(11)</sup> *Võ phu, vũ phu:* Chữ Hán 砮砮 (với bộ thạch 石 là đá) hay 砮砮 (với bộ ngọc 玉), là loại đá đẹp, nhìn giống như ngọc mà không phải là ngọc, tức là ngọc giả; do đó *võ phu* còn có nghĩa là người giả dối, gian trá. Paulus Của (mục từ *phu*) giảng *võ phu* là “đứa dốt nát”, nghĩa này không thích hợp với câu kinh dẫn trên. Ngày nay thường hiểu *võ phu, vũ phu* là gã đàn ông thô lỗ, cục cằn, hay đối xử thô bạo với phụ nữ.

**12. lung lảng:** *Hung dữ, ngang tàng.*

Khi vận thới lung lảng chẳng kể (66)

**13. mưa:** *Chớ, đừng.* (Có lẽ do chữ *mạc* 莫 được Việt hóa.)

Mưa rằng [*chớ nói rằng*] khuyến rủ vầy đoàn (17)

Ráng sức mưa trì diên [*chậm trễ, dầy dụa*] (209)

Bị khinh khi nhục nhã mưa phiền (229)

Mưa đừng tróc ảnh bộ phong <sup>(12)</sup> (237)

**13 bis. mưa chác:** *Chớ mang lấy, đừng lãnh lấy, đừng chịu lấy.*

Việc gió trăng mưa chác lỗi lầm (190)

**14. nhọn vắt:** *Nhọn hoắt, rất nhọn.* (Lê Văn Đức và các bản Minh Lý 1973, 2011, 2017 đều in là *nhọn vắt*. Paulus Của ghi *nhọn vắc*.)

Móc nhọn vắt treo mình nhỏng nhánh (80)

**15. pháy pháy:** *Phay pháy, phơi phới, cách nhẹ nhàng.*

Năm sắc mây lành bay pháy pháy (86, 176)

Cầm bút đề nhẹ pháy gió đông (143)

---

<sup>(12)</sup> *Tróc ảnh bộ phong* 捉影捕風 hay *bộ phong tróc ảnh* (đuổi theo gió bắt hình), hay *bộ ảnh nã phong* 捕影拿風 (bắt bóng đuổi theo gió), tương tự thành ngữ *đuổi hình bắt bóng* trong tiếng Việt, ý nói đeo đuổi việc không tưởng, thiếu thực tế.

## 16. rày

a. *Bây giờ, lúc này.*

Nếu chưa báo ứng, hưởng rày phước dư (233)

b. *Liền, tức thì.*

Phước Thần phước báu cầm tay / Sắc vung Tam Giáo,  
hộ rày linh quang (163)

Diêm Vương Ngài giận, quý rày bắt đi (212)

c. *Luôn luôn, mọi lúc.*

Hết đêm rồi lại tới ngày / Trái bông mọi món người  
rày có chưng (173)

d. **dành rày:** *Bây giờ để dành, lúc này để dành.*

Khấu trừ tội trước, dành rày kiếp sau (233)

e. *Theo ngữ cảnh các câu trích dẫn, có thể xem “rày” là từ đệm không? Vì bỏ đi vẫn không thay đổi ý nghĩa cả câu.*

Bộ châu chia bốn gồm rày coi luôn (57, 130)

Làm lành, xem phải, nói ngay / Giữ ba điều ấy, thiệt  
rày phước duyên (84)

Cõi này ai lại ở rày đặng lâu (113)

**17. rửa thả:** *Trừ ẻo, cầu những điều ác độc cho người khác.*

Chừa rửa thả, buông lời chửi bới (221)

## 18. săng cỏ: *Cây cối nói chung.*

Tàn lớn chở che săng cỏ nhỏ (29)

Có săng cỏ, có đầm đìa (179)

**19. sai siển, siển sai:** *Lỗi lầm, làm lạc. (Sai, siển, và suyển đồng nghĩa.)*

Gặp cơn sai siển, giúp khuyên nhau cùng (31)

Uổng công phu sai siển giữa đường (215)

Cơn sai siển bạn can ngăn dứt (217)

Nền đức hạnh siển sai quan hệ (220)

**20. sung nẫm:** *Có nhiều, dồi dào, đầy đủ, phong phú. (Sung và nẫm<sup>(13)</sup> đồng nghĩa.)*

Giúp cỏ cây sung nẫm đơm hoa (129)

**21. tầm âu:** *Lo tìm kiếm. (Âu là lo toan; thường nói ghép là âu lo, lo âu.)*

Tiếng than xúc động tầm âu độ người (126)

**22. thảng:** *Nếu.*

Thảng không đặng chơn tâm thiệt ý (252)

Thảng như mà thối, tấn, chẳng rành (263)

---

<sup>(13)</sup> *Phong* và *nẫm* cũng đồng nghĩa. Có một số xã mang tên *Phong Nẫm* như một xã thuộc thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; một xã cù lao thuộc huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; và một xã thuộc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**23. tởi:** *Quyên góp, quyên tiền.*

Tởi làm chùa, dối cậy in kinh (77)

**24. tua:** *Phải, cần phải; nên, hãy nên.* (Có lẽ do chữ tu 須 được Việt hóa.)

Khá tua lánh dữ, làm lành (54)

Tua khá tưởng thương lần nòi giống (75)

Bốn điều tua xét kỹ (198)

Ba giếng<sup>(14)</sup> tua giữ chính (204)

Tua ăn năn tự hối lỗi lầm (214)

Tua chừa bỏ tánh tà tật đổ (217)

Tua xét kỹ, ngừa phòng luận biện (220)

Tua xót thương đồng dạ ưu tư (223)

Tua chừa bỏ thói quen lại đọa [*lười biếng*] (225)

**25. vạy vò:** *Không ngay thẳng.*

Làm điều phải nghĩa, lánh xa vạy vò (72)

**26. vấu:** *Móng vuốt nhọn.*

Có cọp dữ nhọn răng đưa vấu (81)

**27. xây:** *Thay, thay đổi; xoay.*

Ngũ tặc nhọn tánh ngũ hành biến xây (19)

Hiểu cơ luân chuyển, đảo đầu đổi xây (25)

Khi tan khi hiệp, đổi xây không thường (66)

Âm dương xây đổi giao thông (114)

Máy kiền khôn xây trở cũng tùy (142)

Máy kiền khôn nhứt nguyệt vận xây [*văn xoay*] (148)

Âm dương luân chuyển, có hoài đổi xây (179)

Ngó lên nhứt nguyệt văn xây (236)

### III. GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Phật Giáo Hòa Hảo thường được gọi tắt là đạo Hòa Hảo, do Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ (1920-1947) khai sáng năm 1939 tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc; ngày nay làng này là thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Có thể nói, toàn bộ giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ (Đức Thầy) được Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo kết tập trong *Sấm Giảng Thi Văn Toàn Bộ Của Đức Huỳnh Giáo Chủ*. Một trong nhiều bản in tốt là bản do Ban Phổ Thông Giáo Lý Trung Ương ấn hành năm 1966, thực hiện tại Tân Sanh Ấn Quán (số 12 đường Bùi Viện, quận 1, Sài Gòn), dày 472 trang và có thêm 6 trang mục lục

---

<sup>(14)</sup> *Ba giếng*: Tam cang (cương) là ba mối quan hệ trong xã hội, gồm có (a) *Quân thần cang* là quan hệ giữa vua tôi; (b) *Phụ tử cang* là quan hệ giữa cha mẹ và con cái; (c) *Phu thê cang* là quan hệ giữa vợ chồng.

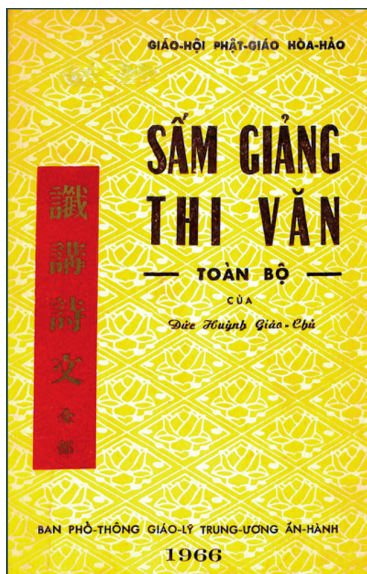
(đánh số I-VI). Sau đây, bản in này được gọi tắt là *Sấm Giảng* 1966.

Dĩ nhiên, trước và sau năm 1975 còn có các bản in khác (đơn cử: *Sấm Giảng Giáo Lý Phật Giáo Hòa Hảo Của Đức Huỳnh Giáo Chủ*, do Ban Đại Diện Phật Giáo Hòa Hảo liên kết nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội 2001). Tuy nhiên, trong bài viết này, tôi tham khảo bản *Sấm Giảng* 1966; sách gồm hai phần:

Phần Thứ Nhất: *Sấm Giảng Giáo Lý*, gồm sáu quyển như sau:

- *Quyển Nhất: Sấm Giảng Khuyên Người Đời Tu Niệm* (912 câu lục bát, tr. 25-50). Đức Thầy viết khoảng năm Kỷ Mão (1939) tại làng Hòa Hảo. Sau đây gọi tắt là SG I.

- *Quyển Nhì: Kệ Dân Của Người Khùng* (476 câu, tr. 51-66). Đức Thầy viết ngày 12 tháng 9 năm Kỷ Mão (Thứ Ba 24-10-1939) tại làng Hòa Hảo. Sau đây gọi tắt là SG II.



Bìa *Sấm Giảng*, bản in 1966.

- *Quyển Ba: Sấm Giảng* (612 câu, tr. 67-86). Đức Thầy

viết năm Kỷ Mão (1939) tại làng Hòa Hảo. Sau đây gọi tắt là SG III.

- *Quyển Tư: Giác Mê Tâm Kệ* (846 câu, tr. 87-112). Đức Thầy viết ngày 20 tháng 9 năm Kỷ Mão (Thứ Tư 01-11-1939) tại làng Hòa Hảo. Sau đây gọi tắt là SG IV.

- *Quyển Năm: Khuyên Thiện – Lời Khuyên Thiện Của Ông Vô Danh Cư Sĩ* (756 câu, tr. 113-140). Đức Thầy viết năm Tân Tỵ (1941) tại Chợ Quán. Sau đây gọi tắt là SG V.

- *Quyển Sáu: Cách Tu Hiền Và Sự Ăn Ở Của Một Người Bổng Đạo* (văn xuôi, tr. 141-179). Đức Thầy viết hồi tháng 5 năm 1945 tại Sài Gòn. Quyển này không được dùng để khảo sát về từ Việt cổ.

Phần Thứ Hai: *Thi Văn Giáo Lý*, tr. 181-472, gồm có những bài sáng tác vào các năm như: Kỷ Mão (1939), tr. 183-227; Canh Thìn (1940), tr. 229-356; Tân Tỵ (1941), tr. 357-368; Nhâm Ngũ (1942), tr. 369-380; Quý Mùi và Giáp Thân (1943-1944), tr. 401-410; Ất Dậu (1945), tr. 411-432; Bính Tuất (1946), tr. 433-450; Đinh Hợi (1947), tr. 451-455. Không kể *Phụ lục* (tr. 457-460) và *Vài toa thuốc nam* (tr. 461-472), còn có các bài văn xuôi, câu chú thường niệm, hai bài thơ dài (tr. 380-400). Phần Thứ Hai cũng không được dùng để khảo sát về từ Việt cổ.

### Cách ký hiệu xuất xứ câu kinh

- *Sấm Giảng* 1966 không đánh số thứ tự từng câu thơ. Khi dẫn lại câu kinh nơi đây, thay vì ghi số trang, tôi ghi

số thứ tự từng câu thơ. Số thứ tự này do tôi thêm vào.  
Thí dụ:

SG I: 007 nghĩa là câu 7, trích trong *Quyển Nhứt: Sấm Giảng Khuyên Người Đồi Tu Niệm*.

- Các câu thơ trong bộ Sấm Giảng Giáo Lý khi trích dẫn (a) *được lược bớt dấu phẩy hay dấu chấm cuối câu*, (b) *lược bớt các gạch nối* vốn có trong nguyên bản, (c) không in chữ xiên, và gạch dưới từ Việt cổ. Thí dụ:

a.1. Nguyên bản (SG I: 7-8): *Cơ Trời thế cuộc đổi xây, / Điên* <sup>(15)</sup> *mới theo Thầy xuống chốn phàm gian.*

Khi trích dẫn thì lược bớt dấu phẩy cuối câu 7:

SG I: 007. Cơ Trời thế cuộc đổi xây

a.2. Nguyên bản (SG I: 701-702): *Vàm Nao rày đã đến rồi, / Quày thuyền ghé lại bằng nay Chợ Đình.*

Khi trích dẫn thì lược bớt dấu chấm cuối câu 702:

SG I: 702. Quày thuyền ghé lại bằng nay Chợ Đình

b. Nguyên bản (SG V: 745-746): *Phước nhiều Tiên-cảnh lên rày, / Tội nhiều sa-đọa nhiều ngày thảm-thê.*

Khi trích dẫn câu 745 thì lược bớt dấu gạch nối:

SG V: 745: Phước nhiều Tiên cảnh lên rày

---

<sup>(15)</sup> *Điên*: Đức Thầy tự xưng là người điên, khùng...

## Những từ Việt cổ trong kinh Phật Giáo Hòa Hảo

Lời giải thích từ cổ của tôi không nhất thiết chép đúng nguyên văn của Paulus Của, hay Lê Văn Đức, mà có cân nhắc sao cho phù hợp ngữ cảnh câu kinh trích dẫn từ *Sấm Giảng 1966*.

### 1. bằng nay

a. *Lúc này.*

SG I: 013. Nên Điên khuyên nhủ bằng nay

b. *Bấy giờ, buổi ấy, lúc ấy, thuở ấy.*

SG I: 383. Giả người bán cá bằng nay

SG I: 501. Ghe người biển mất bằng nay

SG I: 607. Có người xuống bến bằng nay

SG I: 673. Có người ở xóm bằng nay

SG I: 689. Hai thằng ở xóm bằng nay

SG I: 702. Quày thuyền ghé lại bằng nay Chợ Đình

SG III: 335. Mục Liên cứu mẹ bằng nay

### 2. bắt tì: Bắt lỗi.

SG I: 376. Điên [*Đức Thầy tự xưng*] chẳng bắt tì còn mách việc xa

3. **bấy**: *Chừng ấy, dường ấy.*

SG II: 009. Thương hại bấy lê dân đứt ruột



SG V: 195. Vô phước nên tui bấy phận tôi

**4. bỏ liếp:** *Bỏ qua, bỏ ngoài tai.*

SG IV: 383. Lờ chơn chánh trần hay bỏ liếp

**5. cạnh khến:** *Cạnh góc, gai góc sù sù (xù xì).*

SG IV: 391. Xác trần tục như cây cạnh khến

**6. chĩnh ghê:** *Góm ghê, rất đáng sợ.*

SG I: 130. Đến chừng rờng rấn máu đào chĩnh ghê

SG I: 204. Ăn bạ nói càn tội lỗi chĩnh ghê

SG I: 306. Ngày sau sẽ biết thú cầm chĩnh ghê

SG I: 492. Biến mất xác hồn cho chúng chĩnh ghê

SG V: 747. Chừng ấy mới biết chĩnh ghê

**7. dành rày:** *Bây giờ để dành, lúc này để dành.*

SG I: 600. Lúa bay về núi dành rày ngày sau

**8. đình ninh:** *Cặn kẽ, chi tiết rõ ràng.*

SG II: 339. Sổ sách kia tội phước đình ninh

**9. đổi xây:** *Đổi thay.*

SG I: 007. Cơ Trời thế cuộc đổi xây

SG I: 109. Ngày nay thế cuộc đổi xây

SG I: 303. Thấy trong thời cuộc đổi xây

SG III: 119. Tuần hườn thiên địa đổi xây

**10. ghình:** *Chống đối, đối đầu, kinh chống.*

SG I: 346. Chẳng lo tu niệm cứ ghình với Diên [*Đức Thầy tự xưng*]

**11. linh thính:** *Linh hiển, linh thiêng, linh ứng.*

SG I: 144. Còn chi linh thính mà ngời mà nghe

**12. lục thực:** *Chậm rãi, chần chừ, thủng thính.*

SG IV: 157. Chẳng chịu tu mãi còn lục thực

**13. rày:**

a. *Bây giờ, lúc này.*

SG I: 674. Bị mất trộm rày đồ đạc sạch trơn

SG I: 701. Vàm Nao rày đã đến rồi

SG I: 877. Từ rày gặp cảnh buồn rầu

SG II: 411. Kể từ rày vàng lộn với thau

SG IV: 449. Kể từ rày cười một khóc mười

b. *Này.*

SG I: 608. Mách chơi ít tiếng người rày mạng vong

SG III: 336. Nhờ người hiểu hạnh tâm rày từ bi

**13.1. đến rày:**

b. *Bây giờ đã đến.*

SG I: 354. Thuyền đi nước ngược đến rày cù lao

b. *Đến ngay, thẳng đến.*

SG I: 550. Thuyền loan trực chỉ đến rày Bến Tre

**13.2. hiểu rày:** *Hiểu ngay, hiểu liền.*

SG I: 598. Xin ông bày tỏ cho tôi hiểu rày

**13.3. lên rày:** *Lên ngay đến, lên thẳng đến*

SG V: 745. Phước nhiều Tiên cảnh lên rày

**13.4. ngày rày:**

a. *Ngày nay, ngày này.*

SG I: 014. Xin trong lễ thứ ngày rày tỉnh tâm

SG I: 690. Nó nói ngày rày thuốc chẳng có hay

SG I: 894. Dạy trong trần hạ ngày rày rán(g) nghe

SG III: 522. Áo quần láng mượt ngày rày ăn chơi

b. *Bữa ấy, buổi ấy, hôm ấy, ngày ấy.*

SG I: 384. Dân chúng ngày rày xúm lại mua đông

SG III: 448. Nhìn xem bắt thảm ngày rày cho dân

**13.5. ở đâu rày:** *Ở đâu tới đây.*

SG I: 633. Hỏi ông người ở đâu rày

**13.6. tập rày:** *Tập liền, tập ngay.*

SG III: 522. Khuyên mau tỉnh ngộ tập rày lòng nhơn

**14. thiết tha:** *Ngặt nghèo, nguy khốn.*

SG I: 322. Sưu cao thuế nặng vậy thì thiết tha

SG I: 435. Bấy giờ gặp việc thiết tha

SG II: 042. Khấp hoàn cầu thiết thiết tha tha

SG II: 079. Thì sau này gặp chuyện thiết tha

**15. thon von:** *Gian nan, nguy hiểm.*

SG III: 541. Thấy đời trần hạ thon von

**16. tởi:** *Quyên góp.*

SG II: 400. Đâu túng thiếu mà quơ mà tởi

SG IV: 376. Nên tởi khuyên khấp chốn cùng làng

**17. xình xoàng:** *Say, say sưa, say xỉn.*

SG III: 339. Làm tuần trà rượu xình xoàng

SG IV: 231. Lo ăn xài trà rượu xình xoàng

#### IV. THAY LỜI KẾT

Trên đây thật ra chỉ mới là khái quát bước đầu về một số từ Việt cổ trong kinh của Minh Lý Đạo và Phật Giáo Hòa Hảo. Các nhà ngôn ngữ học với chuyên môn sở đắc nếu chú ý nghiên cứu, ắt còn có thể khai thác được nhiều điều sâu sắc hơn.

Tuy nhiên, có một điều tâm đắc tôi muốn bày tỏ như sau:

- Các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo thuần thành thường thuộc lòng rất nhiều lời dạy bằng thơ lục bát, song thất lục bát của Đức Thầy. Do đó, trong cuộc sống đời thường, họ hay ngâm nga *Sấm Giảng* để nhắc nhở bản

thân học Phật tu nhân không phút nào rời, như sách *Trung Dung* khuyên: *Đạo bất khả tu du ly dã*. (Không thể rời xa Đạo dù chỉ trong tích tắc.)

Ngày nay, để giúp tạo nên hoàn cảnh không rời xa Đạo, đã sẵn có các phương tiện điện tử gọn nhẹ, vừa túi tiền, rất dễ dàng thu và phát lời giáo huấn của Đức Thầy qua những giọng ngâm hay diễn đọc truyền cảm của các nam, nữ tín đồ sẵn chất giọng tốt. Nhờ các phương tiện ấy, thậm chí trong lúc đang bận bịu làm việc nhà chẳng hạn, người tín đồ Hòa Hảo vẫn có thể cùng lúc được nghe và ôn học *Sấm Giảng* của Đức Thầy.

- Về phần chức sắc, môn sanh Minh Lý Đạo, chắc chắn ai ai cũng thuộc lòng <sup>(16)</sup> nhiều bài trong quyển kinh *Bổ Cáo – Sám Hối – Tịnh Nghiệp Văn – Nhứt Tụng – Giác Thế* nói trên, bởi vì trong mấy mươi năm dài tu hành, hằng ngày các vị ấy luôn tụng đọc trong bốn giờ cúng (cúng tứ thời, như bên Cao Đài); vào mỗi dịp sóc vọng hay lễ kỷ niệm các Đấng thiêng liêng lại đọc thêm các bài kinh khác theo quy định...

---

<sup>(16)</sup> Để giúp tín đồ dễ thuộc lòng, kinh của Cao Đài Giáo, Minh Lý Đạo, Phật Giáo Hòa Hảo đều mượn hình thức thơ. Thánh giáo Cao Đài và Minh Lý cũng vậy, ngoài phần tản văn (văn xuôi) lại dùng rất nhiều thể thơ khác nhau. Tôi hay đi cúng ở thánh thất Từ Vân (số 100 đường Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận, TpHCM; thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), thấy rõ có nhiều đạo hữu thuộc lòng trọn cả bài Kinh Sám Hối dài 444 câu song thất lục bát.

- Lời ăn tiếng nói dân tộc đã và đang bị dễ dãi biến đổi nhanh theo thời thượng trong đời sống hằng ngày, chịu ảnh hưởng không ít từ các phương tiện truyền thông đại chúng. Trong khi đó, do đức tin và ý thức không canh cải chữ nghĩa trong kinh điển (để khỏi mang tội), tín đồ ba nền tôn giáo bản địa phát sinh ở Nam Kỳ qua việc thường xuyên tụng đọc (hoặc thuộc lòng) kinh của đạo mình đã và đang bảo tồn hiệu quả, duy trì bền bỉ các từ Việt cổ nói riêng, và chữ quốc ngữ nói chung. Nếu chú ý khảo sát cận kề khía cạnh này sẽ thấy rõ những đóng góp thầm lặng vào văn hóa dân tộc của ba cộng đồng tín đồ Cao Đài Giáo, Minh Lý Đạo và Phật Giáo Hòa Hảo.

Nói riêng về từ Việt cổ trong kinh điển của đạo Cao Đài tôi sẽ chia sẻ vào dịp khác.

**HUỆ KHẢI**

*Phú Nhuận, 11-4-2018*

► Các địa chỉ liên lạc để thỉnh kinh sách ấn tống (kính biểu):

Bà Rịa - VT:	TẶNG NHƯ HẪN	☎ 0907663832
Cà Mau:	NGUYỄN HỒNG TỪ PHƯỚC	☎ 0916028939
Đà Nẵng:	Lễ Sanh TRẦN THANH TỬ ĐỖ THỊ KẾT NGUYỄN THỊ LANG	☎ 0912949657 ☎ 0985780369 ☎ 0905008999
Lâm Đồng:	NGUYỄN QUANG TÍN	☎ 0976505639
Long An:	PHẠM TRUNG QUỐC	☎ 0913780123
Long Khánh:	NGUYỄN VĂN ĐẠO	☎ 01693113723
Quảng Nam:	Giáo Hữu THƯỢNG THUẦN THANH TRẦN THANH TẠO CHÂU THỊ KIM TƯƠI	☎ 0905870081 ☎ 0945057595 ☎ 0914730595
Tây Nguyên:	NGUYỄN SANH	☎ 0902573623
Tây Ninh:	NGUYỄN VĂN NGHĨA	☎ 0987524949
TpHCM:	MINH QUANG Trần Văn Quang LÊ THỊ THANH LOAN	☎ 0913613653 ☎ 0938479912
Vĩnh Long:	LÊ THỊ HỮU	☎ 0969263264

## TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CÁC BẢN ĐIỆN TỬ

1. Toàn bộ *Đại Đạo Văn Uyển* (2012-2017), và *Đạo Uyển* (từ năm 2018), xem tại: [daidaovanuyen.blogspot.com](http://daidaovanuyen.blogspot.com)
2. Các sách của các tác giả đã in trong *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* (từ năm 2008 tới nay), xem tại: [chungtayantong.blogspot.com](http://chungtayantong.blogspot.com)
3. Các sách tiếng Việt đã in trong *Huệ Khải Văn Tập* (từ năm 2008 tới nay), xem tại: [huekhai.blogspot.com](http://huekhai.blogspot.com)
4. Các bản tiếng Anh trong *Huệ Khải Văn Tập* (từ năm 2008 tới nay), xem tại: [understandingcaodaism.blogspot.com](http://understandingcaodaism.blogspot.com)

## BAN ẤN TỐNG

HUỆ KHẢI – 35

## CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội) và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2008. Đã ấn tống:

- 01-3. ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008 [in 2 lần], 2012.
- 02-3. NGÔ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN / *Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*. Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 03-2. LỜI VÀNG SEN TRẮNG. Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 04-2. LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010. [Hết]
- 05-3. LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010, 2012. [Hết]
- 06-2. ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008, 2010. [Hết]
- 07-1. CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN. Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008. [Hết]
- 08-2. BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN. Bùi Văn Tâm, 2008, 2012. [Hết]
- 09-2. LỄ BỔN. Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận, 2008, 2009.
- 10-3. CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ. Phạm Văn Liêm, 2009 [in 2 lần], 2012. [Hết]
- 11-2. NHỚ ĐẠT LINH. Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009. [Hết]
- 12-3. KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965). Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009. [Hết]
- 14-4. ĐẠO ÁO TRẮNG. Phạm Văn Liêm, 2009, 2010, 2016.
- 15-3. TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI. Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO. Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-2. THIÊN THƯ. Lê Anh Minh, 2009, 2013.
- 18-2. HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI. Phạm Văn Liêm, 2009, 2012. [Hết]
- 19-1. XUÂN TRI ÂN. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010. [Hết]
- 20-2. CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG. Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. BA MÓN BẦU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Thanh Căn, 2010, 2012. [Hết]
- 22-2. TAM GIÁO VIỆT NAM – TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. ƠN GỌI MIỀN TRUNG. Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-4. HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Diệu Nguyên, 2010 [in 2 lần], 2012, 2013. [Hết]
- 25-3. CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN. Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.

18

36 – TỪ VIỆT CỔ

26-1. NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO. Đơn Tâm, 2010.  
 27-2. HÀNH TRANG TIÊN BỒI CAO TRIỀU PHÁT. Cao Bạch Liên, Huệ Khải, 2010, 2012.  
 28-2. TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH. Huệ Khải, 2010, 2012.  
 29-2. DANH THẦY DANH ĐẠO. Đơn Tâm, 2010, 2012.  
 30-2. MỘT DÒNG BÁT NHÃ. Huệ Khải, 2010, 2013.  
 31-2. GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU. Huệ Khải, 2010, 2011. [Hết]  
 32-1. NGÀI MINH THIÊN – CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP. Đại Cơ Huồn, 2010. [Hết]  
 33-2. TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012. [Hết]  
 34-3. THẤT CHÂN NHÂN QUẢ. Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 [in 2 lần], 2012. [Hết]  
 35-1. XUÂN CHUNG TÂM. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011. [Hết]  
 36-2. ĐÀI THỪA CHỜN GIÁO. Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011, 2016.  
 37-2. NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI. Đơn Tâm, 2011, 2012.  
 38-9. KINH SÁM HỐI MINH HOA. Tranh 4 màu, 2011, 2012, 2014, 2015, 2016, 2017. [Hết]  
 39-2. TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN. Huệ Khải, 2011, 2012.  
 40-2. SỨ MẠNG ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ. Đơn Tâm, 2011, 2012.  
 41-2. TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ. Phạm Văn Liêm, 2011, 2013. [Hết]  
 42-2. NHỊP CẦU TƯƠNG TRI. Huệ Khải, 2011, 2013.  
 43-2. ĐIỂM TỰA TÂM LINH. Huệ Khải, 2011, 2012.  
 44-2. ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ. Huệ Khải, 2011, 2013.  
 45-1. NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU. Huệ Khải, 2011. [Hết]  
 46-1. TIẾNG CHIM QUYẾN. Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.  
 47-1. MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2011. [Hết]  
 48-2. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC. Huệ Khải, 2011, 2013.  
 49-1. KINH CÙNG TỬ THỜI. Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011. [Hết]  
 50-1. XUÂN HÒA ĐỒNG. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012. [Hết]  
 51-3. CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA. Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 [in 2 lần], 2013. [Hết]  
 52-3. TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỔ. Huệ Khải, 2012, 2013, 2017.  
 53-1. CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỶ (1928-1950) / *Caodaiism under Persecution in Central Vietnam (1928-1950)*. Huệ Khải, 2012.  
 54-2. BẮC CẦU TÂM LINH. Huệ Khải, 2012, 2013.  
 55-2. HÒA DIỆU LIÊN TÔN. Huệ Khải, 2012, 2013.  
 56-1. ĐẠO LÝ HUYỀN CỐ. Thiện Bảo, 2012. [Hết]  
 57-1. LƯỢC SỬ BÁT BỮU PHẬT ĐÀI. Thiện Bảo, 2012. [Hết]  
 58-2. CAO ĐÀI KHÁI YẾU. Đạt Đức, 2013, 2015. [Hết]

59-1. QUAN THÁNH XỨA VÀ NAY. Huệ Khải, 2013. [Hết]  
 60-1. MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠO ĐẠO. Đơn Tâm, 2013.  
 61-2. GIỌT NGỌC KIM BÀN. Thanh Căn, 2013, 2014. [Hết]  
 62-1. CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ. Huệ Khải, Lê Anh Minh (truyện tranh), 2013. [Hết]  
 63-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH. Nhiều người viết, 2013. [Hết]  
 64-1. ĐẠO ĐẠO VÀ TÔN GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.  
 65-1. BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XỨA VÀ NAY. Nhiều người viết, 2013. [Hết]  
 66-1. THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG. Nhiều người viết, 2013.  
 67-2. ƠN CỨU ĐỘ. Diệu Nguyên, 2013, 2016.  
 68-1. TRUNG DU HÀNH ĐẠO. Nhiều người viết, 2013. [Hết]  
 69-1. DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN. Huệ Khải, 2013.  
 70-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIẢNG SINH. Nhiều người viết, 2013. [Hết]  
 71-1. HỒ BIỂU CHÁNH XỨA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014. [Hết]  
 72-1. PETRUS KÝ XỨA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.  
 73-1. TƯỞNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ. Huệ Khải chủ biên, 2014.  
 74-1. HÀNH TRANG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ. Huệ Khải, 2014.  
 75-1. AN THUẬN QUẢ DUYÊN. Diệu Nguyên, 2014. [Hết]  
 76-1. TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014. [Hết]  
 77-2. THIÊN BÀN TẠI NHÀ / *The God's Altar at Home*. Huệ Khải, 2014, 2017.  
 78-1. SƠ KHẢO BÀI KINH *NGỌC HOÀNG TÂM AN*. Lê Anh Minh, 2014.  
 79-1. NGŨ GIỚI CẤM XỨA VÀ NAY / *The Five Precepts Past and Present*. Huệ Khải, 2014. [Hết]  
 80-1. VẠN HẠNH THIÊN SỰ XỨA VÀ NAY. Huệ Khải kết tập, 2014.  
 81-1. THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN. Diệu Nguyên, 2014. [Hết]  
 82-1. TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠO ĐẠO. Thanh Căn, 2014. [Hết]  
 83-1. TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI. Thiện Quang, 2014. [Hết]  
 84-1. NẾO VỀ TÂM LINH. Huệ Khải, 2014. [Hết]  
 85-1. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI / *Family in the Caodai New Law*. Huệ Khải, 2014.  
 86-1. MẤY NHÁNH RỒI SAU CÙNG MỘT NHÀ. Phạm Văn Liêm, 2014.  
 87-1. NGỌN NÉN NÀO KHÔNG TẮT. Huệ Khải, 2015. [Hết]  
 88-1. MINH GIÁO THÁNH TRUYỀN. Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, 2015.  
 89-1. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG / *Caodaiism in Public Life*. Thiện Quang, Huệ Khải, 2015.  
 90-1. MINH THIÊN CHỜN KINH. Thánh tịnh Ngọc Linh, 2015.  
 91-1. LỊCH SỬ THÁNH THẤT CAO ĐÀI THỦ ĐỘ HÀ NỘI. Huệ Khải, 2015. [Hết]

- 92-1. HỒNG AN TẬN ĐỘ. Phạm Văn Liêm, 2016.
- 93-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI TIỀM ẨN 1920-1926 / *A Concise Caodai History: The Earliest Beginnings 1920-1926*. Huệ Khải, 2017.
- 94-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 1926 / *A Concise Caodai History: The 1926 Inauguration*. Huệ Khải, 2015.
- 95-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG 1881-1951. Huệ Khải, 2016.
- 96-1. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Interfaith Dialogues as Viewed by a Caodai Believer*. Huệ Khải, 2015.
- 97-1. GỠI NGƯỜI ÁO TRẮNG. Trần Dã Sơn (thơ), 2015.
- 98-1. GIỮA CHỖN TA BÀ. Huỳnh Văn Mười (thơ), 2015. [Hết]
- 99-1. TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TA VỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment*. Huệ Khải, 2016.
- 100-1. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO. Huệ Khải, 2016.
- 101-1. GIỮ LỬA CHO NHAU. Huệ Khải, 2016.
- 102-1. ĐƯỜNG VỀ THẤY. Đức Thuần, 2017.
- 103-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934. Huệ Khải, 2017.
- 104-1. MÔNG CÁNH CHUỒN CHUỒN. Trần Dã Sơn (thơ), 2017.
- 105-1. SỐNG ĐẸP LÀ SỐNG ĐẠO. Huệ Khải, 2017.
- 106-1. MÔNG MẢNH TƠ TRỜI. Huệ Khải, 2017.
- 107-1. CAO CAO DÁNG NÚI. Huệ Khải, 2017.
- 108-1. AI ĐO LÒNG BIẾN. Huệ Khải, 2017.
- 109-1. ÁI HOA KHÔNG CÒN NỮA. Lê Anh Minh, 2017.
- 110-1. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / *Brief Glimpses into Caodaism*. Huệ Khải, 2017.
- 111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / *The Psychology of Caodaists*. Huệ Khải, 2017.
- 112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / *Beauty in Terms of the Caodai Aesthetics*. Huệ Khải, 2017.
- 113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / *The Caodai Ideology*. Huệ Khải, 2017.
- 114-1. GỠI LẠI CHO ĐỜI. Huệ Khải, 2018.
- 115-1. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI. Huệ Khải kết tập, 2018.
- 116-1. MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Huệ Khải, 2018.
- 117-1. TỪ VIỆT CỔ & ĐIỂN CỔ TRONG *THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG*. Huệ Khải (sắp in, 2018).

Ghi chú: 117-1 tức là quyển 117, in lần thứ nhất. 38-9 tức là quyển 38, in lần thứ chín.

\* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN** (đã xuất bản 24 tập), Huệ Khải chủ biên (2012-2017). Từ năm 2018

rút gọn nhan đề là **ĐẠO UYỂN** (tập 25, 26...), mỗi quý ấn tổng một tập.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC  
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com  
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO  
VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Tác giả: HUỆ KHẢI

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung  
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN  
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Diệu Nguyên, Lê Anh Minh  
Trình bày & vẽ bìa: Ngô Bái Thiên  
Nguồn tranh bìa: <https://www.peachridgeglass.com>

In 1.500 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA  
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TP HCM.  
Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.  
Số XNĐKXB: 2088-2018/CXBIPH/19-41/HĐ  
Số QĐXB của NXB: 538/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 25-6-2018.  
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.  
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-4409-4